

## DẠY ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THÔNG TIN Ở TIỂU HỌC

**Đỗ Xuân Thảo**

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội  
Email: thaodx@hnue.edu.vn

### Article History

Received: 04/01/2021

Accepted: 21/01/2021

Published: 05/02/2021

### Keywords

reading comprehension,  
informational texts, searching  
skills, identifying details,  
diagrams.

### ABSTRACT

One of the new features of the Literature program 2018 is to consider informational text to be one of three main types of documents to train students. Information texts not only occupy a large amount in the linguistic system but are also defined as specific requirements in output standards at each educational level and each class. Informational text plays an important role not only in receptive but also in creating it. Derived from the importance of informational text, on the basis of understanding the characteristics of this type of document, the article will set out the requirements and some measures for reading and understanding informational text in primary schools; consider reading and understanding informational text is as important as reading and enjoying a literary text.

### 1. Mở đầu

Trong chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Việt tiểu học hiện hành, *văn bản thông tin* (VBTT) gồm hai kiểu chính là văn bản thuyết minh và văn bản nhật dụng. Sở dĩ gọi văn bản nhật dụng vì loại văn bản này xuất phát từ những đề tài có giá trị trực tiếp trong giao tiếp thường nhật như báo cáo, biên bản, thư từ... Trong khi đó, thực tiễn dạy đọc hiểu VBTT cho thấy: về cơ bản, chúng ta đọc loại văn bản này để thu nhận các thông tin hoặc kiến thức khoa học thường thức, biến nó thành tri thức của mình nhằm sử dụng trong học tập và đời sống. Chi nguyên mục đích đó đã làm cho việc đọc VBTT trở nên khác với đọc văn bản văn học. Anderson (1998, tr 33) đã chỉ rõ: “Người đọc sẽ có hai mục đích khi tiếp nhận VBTT, một là để định vị và ghi nhớ thông tin, hai là để trải nghiệm và ứng dụng vào giải quyết những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống”. Đây cũng chính là hai yêu cầu cơ bản của việc dạy đọc hiểu VBTT trong nhà trường tương đương với việc người học phải có được những tri thức về tự nhiên, xã hội, về khoa học thường thức... Điều quan trọng hơn là người học phải có được những kỹ năng tạo lập và sử dụng VBTT. Vì vậy, về cơ bản, VBTT có tính hành dụng cao.

Trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018, nhất là ở cấp tiểu học, VBTT có một vị trí quan trọng. Vì vậy, việc hướng dẫn học sinh (HS) đọc hiểu văn bản này trong nhà trường để ứng dụng vào thực tiễn là một việc làm vô cùng cần thiết. Tuy nhiên, quy trình dạy đọc các VBTT hiện hành chủ yếu hướng vào mục tiêu cung cấp kiến thức, rèn luyện một số kỹ năng tiếng Việt mà chưa tạo nhiều cơ hội cho HS thực hành liên hệ vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn cuộc sống cũng như tạo lập văn bản. Vậy, *dạy đọc hiểu VBTT theo định hướng phát triển năng lực sẽ phải tổ chức như thế nào? Trong khi chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 rất chú trọng đến việc đọc và viết theo đặc trưng kiểu loại văn bản thì cần có những biện pháp gì để phát triển năng lực ngôn ngữ thông qua việc khai thác những đặc trưng của VBTT?*

Để trả lời các câu hỏi trên, trong bài báo này, tác giả đề xuất một số biện pháp phát triển năng lực đọc hiểu VBTT cho HS, góp phần nâng cao chất lượng đọc hiểu ở tiểu học nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình và sách giáo khoa tiểu học mới.

### 2. Kết quả nghiên cứu

#### 2.1. Văn bản thông tin và việc giảng dạy văn bản thông tin trong nhà trường

##### 2.1.1. Cách hiểu về văn bản thông tin

VBTT (informational text) là văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin về con người, sự vật, hiện tượng hoặc hướng dẫn thực hiện hoạt động dựa trên các số liệu, sự kiện khách quan và kiến thức khoa học. VBTT rất phổ biến trong xã hội dưới dạng các bài báo, tạp chí, từ điển, sách giáo khoa; sách viết về danh nhân, sách hướng dẫn du lịch, sử dụng thuốc, nấu ăn; báo cáo, biên bản, pa nô, áp phích... VBTT thường được trình bày bằng kênh chữ kết hợp với các kênh khác như hình ảnh, âm thanh... và thường là văn bản đa phương thức (multimodal text).

##### 2.1.2. Về việc giảng dạy văn bản thông tin ở tiểu học

Dạy VBTT cần chú ý giúp HS nhận biết được các đặc điểm hình thức của VBTT và vai trò tác dụng của các hình thức ấy trong việc thể hiện nội dung thông tin. Các yếu tố hình thức thường thấy của VBTT là nhan đề, sapo, các đề

mục, các chữ in đậm, các kí hiệu, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh... Vì thế cần tổ chức cho HS tìm hiểu: (1) Mục đích của VB; (2) Thông tin chính của VB; (3) Nhận biết các yếu tố hình thức và tác dụng của chúng trong việc chuyển tải thông tin. Thực chất là hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi: Nhan đề văn bản cho ta biết các thông tin gì? Sapo là gì và tại sao Sapo thường in đậm ở phần đầu bài viết dưới nhan đề? Tại sao bài viết in vào ngày giờ tháng năm này? Các tiêu đề nhỏ trong văn bản có tác dụng gì? Văn bản có sử dụng các hình ảnh, sơ đồ biểu bảng không và chúng có tác dụng gì?... Kết quả là, mỗi khi tiếp xúc với VBTT, khi đọc sách, báo, tạp chí (trên giấy hay trên mạng, điện tử), HS sẽ hiểu đúng và biết cách đọc, cách tiếp nhận các thông tin; biết khai thác thông tin từ các yếu tố hình thức của loại văn bản này. Từ dạy đọc VBTT sẽ tích hợp với kĩ năng viết và nói - nghe để dạy HS cách tạo lập một VBTT thông thường. Trong nhà trường, việc dạy tạo lập một VBTT chủ yếu sử dụng phương thức thuyết minh. Dạy cho HS viết một bài giới thiệu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh; biết giới thiệu một cuốn sách, một sản phẩm, một phương pháp nấu ăn; làm một báo cáo hay viết một thông báo công cộng... đều là dạy tạo lập VBTT.

VBTT trong chương trình Tiếng Việt tiểu học hiện hành có những *kiểu loại chủ yếu* như: Đơn từ/Thư; Danh sách; Nội quy; Báo cáo; Tin tức; Thuyết minh; Mục lục; Luật lệ, Văn bản trình bày, giải thích những vấn đề có tính lịch sử, văn hóa, xã hội. Ở các lớp 2 và lớp 3, VBTT cung cấp những tri thức và kĩ năng đơn giản (mang tính nhật dụng) để HS dễ tiếp thu, phù hợp với tâm sinh lí lứa tuổi. Lên các lớp trên, HS được tiếp xúc với những vấn đề mang tính xã hội, lịch sử, môi trường trong nước và trên thế giới (ví dụ: Luật bảo vệ chăm sóc, giáo dục trẻ em; Trồng rừng ngập mặn; Sự sụp đổ của chế độ A-pác-thai...).

*Kết cấu của một bài tập đọc dạy VBTT* không khác so với văn bản văn học, bao gồm: (1) Ngữ liệu (theo độ dài số tiếng quy định của từng lớp); (2) Tranh vẽ minh họa cho ngữ liệu; (3) Các câu hỏi đọc hiểu: Thông thường, mỗi VBTT thường có 3 câu hỏi chủ yếu về những nội dung liên quan đến văn bản, HS chỉ cần tái hiện là có thể trả lời được. Ở các lớp trên xuất hiện những câu hỏi liên hệ, ví dụ: Em đã thực hiện được những bổn phận gì? Còn những bổn phận gì cần tiếp tục cố gắng thực hiện? (Bài *Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em*, lớp 5).

VBTT trong chương trình Tiếng Việt tiểu học hiện hành còn bộc lộ một vài hạn chế sau:

- Chưa phong phú về thể loại; thiếu những văn bản gần gũi, thiết thực với đời sống của HS: ví dụ, văn bản hướng dẫn quy trình thực hiện một công việc gì đó như trồng cây /nấu một món ăn... Những văn bản chỉ dẫn cách đi đường, cách làm những thí nghiệm khoa học đơn giản; những tri thức khoa học thường thức giải thích các hiện tượng tự nhiên, xã hội..., nhất là những vấn đề có tính thời sự như việc đáp ứng yêu cầu phát triển của khoa học công nghệ, văn bản đa phương thức, vấn đề môi trường...

- Còn đơn điệu về trình bày, chưa có sự phối hợp nhịp nhàng giữa kênh chữ, kênh hình với biểu đồ, mô hình, đặc biệt là sự kết hợp với nghe - nhìn.

- Các câu hỏi đọc hiểu thiên về mức độ biết, hiểu mà chưa có; hoặc có ít những câu hỏi vận dụng, liên hệ, so sánh, giải quyết những vấn đề thực tiễn.

Do đó, để VBTT thực sự có ý nghĩa đối với HS, chương trình và sách giáo khoa cần được thay đổi, dành cho HS cơ hội được học trong một môi trường có tính tương tác cao nhằm đạt đến những mục tiêu căn bản của thể loại văn bản này, thay vì HS thụ động nghe giáo viên giảng bài.

Trẻ em cũng như người lớn, thích những gì mà mình thấy thiết thực hoặc có hứng thú, điều đó đúng cho cả việc đọc, viết và trình bày; nói, nghe và xem. Vì thế, đề tài của VBTT cần làm cho HS thấy được tính thiết thực của việc học, khơi gợi được hứng thú của các em. Muốn vậy, sách giáo khoa phải xác định một tỉ lệ thích hợp giữa các tác phẩm văn bản văn học và VBTT (điều này chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 đã có sự quan tâm đúng mức). Các đề tài của VBTT phản ánh những gì gần gũi với nhu cầu và tâm lí của HS tiểu học. Đó là sự lựa chọn có định hướng, nhưng là sự định hướng "lấy người học làm trung tâm". Nếu không tính đến quyền lợi của trẻ, quyền được đọc và viết, được nghe và nói những gì mà các em thấy thiết thực và có hứng thú thì việc dạy học sẽ mang tính áp đặt, hiệu quả giáo dục sẽ hạn chế.

## **2.2. Yêu cầu đọc hiểu văn bản thông tin và kĩ năng tìm ý, xác định các chi tiết trong dạy đọc hiểu văn bản thông tin**

### **2.2.1. Yêu cầu đọc hiểu văn bản thông tin**

Yêu cầu nổi bật của đọc hiểu VBTT bao gồm việc giúp HS:

- Biết cách đọc các hình ảnh, nhân hiệu, chú thích, đồ thị, bảng biểu, thông cáo, áp phích, sơ đồ...
- Biết tiếp nhận thông tin từ việc giải mã các thông tin nhận được.
- Biết nhận diện các quan điểm (opinion), các lí do, lập luận (reasons) và các bằng chứng (evidence) từ văn bản
- nhất là đối với những văn bản giải thích các hiện tượng tự nhiên và xã hội.
- Nắm được đề tài, các chủ đề lớn, chủ đề nhỏ, những phần quan trọng và các ý, dữ liệu liên quan trong văn bản đọc.

- Hệ thống hóa lại được văn bản một cách có cấu trúc.
- Biết cách tạo lập những VBTT trong việc giải quyết những vấn đề thiết thực của cuộc sống.

Như vậy, yêu cầu dạy đọc hiểu VBTT nêu trên nhìn chung đã theo sát yêu cầu dạy đọc hiểu văn bản nói chung theo định hướng phát triển năng lực. Trong đó, ngoài việc nhận biết, hiểu và tiếp nhận thông tin, người học còn phải biết vận dụng trong việc tạo lập thông tin cũng như sử dụng VBTT trong việc giải quyết những vấn đề của đời sống thực tiễn.

### 2.2.2. Kỹ năng tìm ý, xác định các chi tiết trong dạy đọc hiểu văn bản thông tin

Đối với HS tiểu học, khó khăn nhất là việc tìm ý chính của văn bản. Do không có những yếu tố hư cấu mang tính hấp dẫn nên HS thường khó nắm bắt chủ đề. Nắm bắt ý chính là quá trình HS giải mã nghĩa của các từ trong phạm vi câu, nghĩa các câu trong phạm vi đoạn văn và cứ tiếp tục như thế. Khi bắt đầu nắm bắt được các ý chính của văn bản, HS hiểu rõ hơn mục đích của các chi tiết trong văn bản và từ đó củng cố thêm nhận thức về những ý chính đã tìm ra. Sau đây là một số gợi ý về việc dạy HS tiếp nhận VBTT, đặc biệt là kỹ năng tìm ý và xác định các chi tiết trong văn bản để phục vụ cho việc sử dụng VBTT.

Ý chính thường được tìm ra bằng cách: - Nhìn vào tựa đề và tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu; - Ý chính có thể nằm ở câu mở đầu hoặc kết thúc; - Ý chính có thể được nhận ra ở những từ in đậm hoặc những từ khóa.

Để hiểu rõ hơn về khái niệm “ý chính”, cần phân biệt các thuật ngữ: *câu chủ đề* với *ý chính* và *ý hỗ trợ*. Theo quy ước, câu chủ đề là câu đầu tiên trong đoạn văn, nhưng không phải lúc nào cũng vậy, nó có thể nằm ở đầu, giữa hoặc cuối. Ở một số đoạn văn, câu chủ đề không dễ dàng xác định được, một số lại có nhiều hơn một câu chủ đề. Tuy nhiên, câu chủ đề giúp ích trong việc xác định mối quan hệ giữa *ý chính* (*main ideas*) và *ý hỗ trợ* (*supporting ideas*).

Ví dụ: *Nam Phi là một nước nổi tiếng nhiều vàng, kim cương nhưng cũng nổi tiếng về nạn phân biệt chủng tộc. Chế độ phân biệt chủng tộc ở đây được toàn thế giới biết đến với tên gọi A-pác-thai.*

Hai câu này rõ ràng đã thể hiện được mối quan hệ logic: câu đầu tiên chứa ý chính, còn câu thứ hai cung cấp chi tiết để làm rõ ý chính. Đọc hiểu văn bản nói chung cũng như VBTT là sự tương tác giữa tác giả và người đọc. Trong VBTT, thông thường tác giả sẽ cố gắng trình bày ý tưởng của mình một cách rõ ràng, chính xác. Tuy nhiên, người đọc cần tiến hành “lọc” ngay cả những thông điệp trực tiếp, tường minh thông qua sự hiểu biết và những trải nghiệm của bản thân.

Trở lại ví dụ trên, các câu hỏi liên quan có thể là: Mục đích của đoạn văn là gì? Đây là ý chính và ý hỗ trợ của đoạn?

Sau đây là một vài sơ đồ hướng dẫn HS tìm ý chính và ý hỗ trợ trong VBTT:

1) Ý CHÍNH → Ý hỗ trợ 1 + Ý hỗ trợ 2 + Ý hỗ trợ 3 + Ý hỗ trợ 4

2) CHỦ ĐỀ → Ý CHÍNH → Chỉ dẫn cách tìm ý hỗ trợ 1 + Chỉ dẫn cách tìm ý hỗ trợ 2 + Chỉ dẫn cách tìm ý hỗ trợ 3

3) Ý CHÍNH → Chi tiết 1 + Chi tiết 2 + Chi tiết 3 + Chi tiết 4

Như vậy, với VBTT, dưới sự hướng dẫn của giáo viên, HS cần thực hiện các bước sau: (1) Bắt đầu bằng việc đọc lướt văn bản để nắm được ý chính (văn bản nói về điều gì?); (2) Khoanh những câu không cần thiết để giúp HS nhận ra thông tin nào có ý nghĩa then chốt trong việc truyền tải nội dung của văn bản; (3) Đánh dấu các từ và cụm từ khóa, vạch ra các ghi chú về ý chính của văn bản. Hướng dẫn HS tìm kiếm thông tin về các ý chính của văn bản từ các chi tiết như: *Do đó, Tóm lại, Như vậy là...*; (4) Khuyến khích HS tóm tắt văn bản; (5) HS đọc lại văn bản và đưa ra những suy nghĩ, ý kiến của mình.

Như vậy, đọc hiểu VBTT theo hướng năng lực bao gồm: hiểu, sử dụng, phản ánh và liên kết các văn bản nhằm đạt được các mục tiêu của người học, phát triển kiến thức và tiềm năng cá nhân và tham gia vào xã hội. Mục tiêu phát triển năng lực đọc hiểu VBTT cho HS không dừng lại ở nhiệm vụ trau dồi kiến thức, rèn luyện kỹ năng đọc mà còn sử dụng việc đọc hiểu vào nhiều mục đích khác nhau như: hỗ trợ việc thực hiện các nguyện vọng cá nhân, làm phong phú và mở rộng hiểu biết và kỹ năng liên cá nhân, kiểm soát những nội dung đọc hiểu để tham gia vào xã hội...

Việc đánh giá kết quả dạy đọc hiểu VBTT bao gồm:

- *Đánh giá thực tiễn*: Đánh giá thực tiễn đề cao mục đích xem xét các năng lực mà người học cần có trong bối cảnh thực tế. Nó đòi hỏi người học phải biết ứng dụng các kỹ năng và kiến thức được trang bị trong nhà trường để có thể tạo ra một sản phẩm hay vận dụng những kiến thức, kỹ năng này để giải quyết những tình huống trong thực tiễn cuộc sống ngoài trường học. Câu hỏi đọc hiểu VBTT theo hướng năng lực quan tâm tới vấn đề người học làm được gì từ những điều đã đọc (sử dụng những kiến thức, kỹ năng đọc hiểu như thế nào? để làm gì?). Với thông tin mà HS lĩnh hội được, với những kinh nghiệm đã tích lũy và niềm tin được gây dựng, HS sẽ được đánh giá ở khả năng sử dụng / kết nối tất cả những điều đó với cuộc sống bên ngoài.

- *Đánh giá sáng tạo*: Đánh giá sáng tạo thường được sử dụng nhằm tạo động cơ cho HS, giúp các em có trách nhiệm hơn đối với việc học của chính mình. Nó cũng khiến cho việc kiểm tra, đánh giá trở thành một bộ phận thường trực của kinh nghiệm học tập và gắn chặt với những hoạt động thực tiễn, cho phép nhận dạng và kích thích khả năng sáng tạo của HS. Vì thế, cần thiết kể những câu hỏi “mở” giúp HS có cơ hội bộc lộ quan điểm và cách cảm nhận cá nhân dựa trên những thao tác lập luận chặt chẽ, những minh chứng có sức thuyết phục. Đó cũng là những đặc trưng của kĩ thuật đặt câu hỏi trong dạy đọc hiểu VBTT, nhất là các kiểu loại văn bản thuyết minh.

### 3. Kết luận

Cách tiếp cận đọc hiểu VBTT gắn liền với đặc trưng thể loại nhằm đáp ứng những yêu cầu đọc hiểu đặt ra trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018, góp phần nâng cao chất lượng dạy đọc hiểu ở trường tiểu học. Việc xác định các ý chính, ý hỗ trợ cũng như kĩ thuật đặt câu hỏi và tạo lập VBTT có vai trò quan trọng không chỉ trong dạy đọc mà còn giúp các em biết tiếp nhận, tạo ra và sử dụng các sản phẩm giao tiếp thường nhật. Từ đó, việc dạy học VBTT sẽ có tác động tích cực đến quá trình cải thiện kết quả học tập cũng như góp phần phát triển các năng lực tự chủ, tự học; năng lực giao tiếp, hợp tác và năng lực giải quyết vấn đề ở HS.

### Tài liệu tham khảo

- Anderson, R.C (1998). *Becoming a nation of readers: The report of the Commission on Reading*. Education and Treatment of Children, 389-396.
- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT)*.
- Đỗ Ngọc Thống, Đỗ Xuân Thảo, Phan Thị Hồ Điệp (2020). *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới*. NXB Đại học Sư phạm.
- Đỗ Ngọc Thống, Đỗ Xuân Thảo, Phan Thị Hồ Điệp, Lê Phương Nga (2018). *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học*. NXB Đại học Sư phạm.
- Lê Phương Nga (2015). *Đảm bảo mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh trong quá trình dạy học các tri thức tiếng Việt ở trường tiểu học*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 9, tr 65-73.
- National Institute for Educational Research (Viện Nghiên cứu Giáo dục Quốc gia - Nhật Bản - NIER (1999). *An International Comparative Study of School Curriculum*. Tokyo.
- Nguyễn Thị Hạnh (2017). *Dạy học đọc hiểu ở tiểu học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phạm Thị Thu Hương (2015). *Đọc hiểu và chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.
- Québec Education Program (2005). *Cross - Curricular Competency - Broad Areas of Learning - Subject - Specific Competencies*. MOE Canada.